TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
---***---
Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 26/7/2022
(*V/v:Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - H Phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
---

*/- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế P
*/- Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Lê Thị O.
2- Ông Lê Quang T.
*/- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị T1 - Thư ký Toà án.
*/- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T2 – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 16/2022/DS – ST ngày 08 tháng 04 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

***- Nguyên đơn**: - Ông Nguyễn Đức H - Sinh năm 1963.
+ Trú tại*:* Số nhà A, thị trấn T3, huyện P, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).
***- Bị đơn:** - Bà Đỗ Thị H1 - sinh năm 1965.
+ Trú tại: Thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).
***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** - Bà Trịnh Thị Đ - sinh năm 1974.
+ Trú tại: Số nhà A, thị trấn T3, huyện P, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày: Xuất phát từ chỗ quen biết, nên ngày 19/09/2008 ông có cho bà Đỗ Thị H1 vay 300.000.000 đồng. Bà H1 là người viết giấy biên nhận và ký tên. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau số tiền lãi hàng tháng bà H1 phải trả cho ông là 4.450.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất là 1,666%/01 tháng). Thời hạn trả nợ là khi nào ông cần thì thông báo cho bà H1. Sau này thì bà H1 có thanh toán trả được một phần tiền lãi và tiền gốc, nhưng do trả không đầy đủ, nên chưa trả hết nợ và cứ đến cuối năm thì hai bên lại chốt nợ với nhau. Đến ngày 23/01/2017 hai bên thống nhất số tiền bà H1 còn nợ ông cả gốc và lãi là 692.000.000 đồng. Ông là người viết giấy còn bà H1 ký nhận. Từ đó đến nay nhiều lần ông đòi nợ nhưng bà H1 đều khất lần không trả. Nay ông

khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K xem xét buộc bà Đỗ Thị H1 trả nợ cho ông số tiền nợ là 692.000.000 đồng, còn về tiền lãi từ năm 2017 đến nay thì không yêu cầu.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn bà Đỗ Thị H1 trình bày: Xác nhận từ khoảng năm 2008, bà có vay số tiền 300.000.000 đồng của ông Nguyễn Đức H. Hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, nhưng không ghi biên bản. Sau khi vay thì bà không trả lãi cố định vào ngày nào cả, cứ khi nào có tiền thì bà lại thu sếp trả lãi và một phần gốc. Bà trả làm nhiều lần nhưng cụ thể vào thời gian nào thì không nhớ. Bà chỉ nhớ đến năm 2020 thì đã trả được cả gốc và lãi là trên 300.000.000 đồng. Trước đó vào năm 2017 bà có gặp ông H, thì ông H tính toán và bảo với bà là đến ngày 23/01/2017 cả tiền gốc và lãi là 692.000.000 đồng. Ông H tự viết giấy và ép bà ký, nên bà đành ký nhận. Nay ông H khởi kiện thì bà xác định là có vay tiền nhưng đã trả được hơn 300.000.000 đồng cho ông H, không còn nợ tiền gốc nữa, còn tiền lãi thì do điều kiện gia đình bà khó khăn, làm ăn thua lỗ, chồng mất sớm, một mình nuôi con ăn học, lại có một cháu bị tàn tật, nên xin ông H tiền lãi.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Đ trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Đức H, nhưng số tiền ông H cho bà Đỗ Thị H1 vay là tiền riêng của ông H. Nay ông H khởi kiện thì đề nghị Tòa án tuyên bà H1 trả tiền cho một minh ông H. Bà xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Mặc dù Tòa án nhân dân huyện K đã nhiều lần báo giấy triệu tập đến tham gia giải quyết vụ án, đã hai lần thông báo và báo triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bị đơn bà Đỗ Thị H1 đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị H1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm trên đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ vì đã nhiều lần vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 155, Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

+ Buộc bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán trả nợ cho ông Nguyễn Đức H số tiền là 692.000.000 đồng.

+ Trả cho ông Nguyễn Đức H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 15.000.000 đồng.

+ Buộc bà Đỗ Thị H1 phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thẩm vấn tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện khách quan các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết trong vụ án:

- Việc ông Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị H1 phải có trách nhiệm trả nợ về số tiền đã vay. Nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K tỉnh Hưng Yên.

2. Về tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

- Về việc Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Trịnh Thị Đ) đã có đơn xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án. Tòa án nhân dân huyện K đã hai lần thông báo và báo triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bị đơn bà Đỗ Thị H1 đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đỗ Thị H1 và bà Trịnh Thị Đ.

- Ông Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu trả nợ tiền gốc, còn tiền lãi thì không yêu cầu nên theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp này.

3. Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán trả nợ số tiền 692.000.000 đồng. Xét thấy với những tài liệu chứng cứ mà phía Nguyên đơn đã cung cấp là Giấy biên nhận vay tiền có chữ ký nhận của bà Đỗ Thị H1. Bản thân bà H1 cũng xác nhận là năm 2008 có vay số tiền 300.000.000 đồng của ông H và có lãi suất. Năm 2017 hai bên có chốt nhận nợ tổng cộng số tiền gốc và lãi còn nợ ông H là 692.000.000 đồng. Bà H1 có trình bày là đã trả được hơn 300.000.000 đồng tiền gốc và lãi, nhưng không có căn cứ chứng minh về việc trả nợ gốc hay lãi, cũng như việc cho vay lãi nặng. Bà H1 xin số tiền lãi, nhưng không được phía ông H chấp nhận. Nên cần buộc bà H1 phải chịu trách nhiệm thanh toán trả nợ cho ông H số tiền 692.000.000 đồng. Riêng về số tiền lãi của số tiền nợ này tính từ ngày 23/01/2017 đến nay, do ông H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét trong vụ án này, khi nào các bên có yêu cầu sẽ làm đơn khởi kiện để giải quyết ở vụ án dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 15.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: 20.000.000 đồng + (292.000.000 đồng x 4%) = 31.680.000 đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

****- Căn cứ:*** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 155, Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

**** - Xử:***

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H.

- Buộc bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán trả nợ cho ông Nguyễn Đức H số tiền là 692.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đức H có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp và cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, nếu bà Đỗ Thị H1 không thi hành khoản tiền trên, thì còn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/- Án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức H số tiền 15.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007706 ngày 08/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Buộc bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 31.680.000 đồng (Ba mốt triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

3/- Quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án Dân sự.

4/- Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức H (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/07/2022. Bà Đỗ Thị H1 và bà Trịnh Thị Đ (vắng mặt tại phiên tòa) đều được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú./

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế P